

TĂNG TRƯỞNG NÔNG NGHIỆP XANH Ở VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ

PGS.TS. Nguyễn Nguyên Cự

Trường Đại học Hoà Bình

Tác giả liên hệ: nncu@daihochoabinh.edu.vn

Ngày nhận: 29/5/2024

Ngày nhận bản sửa: 03/6/2024

Ngày duyệt đăng: 24/9/2024

Tóm tắt

Tăng trưởng xanh các ngành kinh tế, trong đó, có nông nghiệp đang trở thành một xu thế tất yếu của sản xuất và tiêu dùng trên thế giới. Nông nghiệp Việt Nam cũng đang từng bước chuyển đổi tăng trưởng theo hướng xanh. Bài viết tập trung làm rõ những khái niệm cơ bản về tăng trưởng xanh, nông nghiệp xanh; thực trạng phát triển nông nghiệp xanh ở Việt Nam; khó khăn và khuyến nghị.

Từ khóa: Tăng trưởng nông nghiệp xanh, thực trạng, khó khăn, khuyến nghị.

Green Agricultural Growth in Vietnam: Present Situation and Recommendations

Assoc. Prof., Dr. Nguyen Nguyen Cu

Hoa Binh University

Corresponding Author: nncu@daihochoabinh.edu.vn

Abstract

The global shift towards green growth across economic domains, notably agriculture, is indicative of an essential evolution in production and consumption patterns. Vietnam's agricultural sector is steadily aligning its growth trajectory with sustainable practices. This study delves into elucidating the fundamental principles of green growth and sustainable agriculture, shedding light on the current landscape of sustainable agricultural progress in Vietnam, while also addressing associated challenges and proposing recommendations for future enhancement.

Keywords: Green agricultural growth, current situation, difficulties, recommendations.

Giới thiệu

Vào giữa thế kỷ XX, cụm từ “cách mạng xanh” (green revolution) thường được nhắc tới để chỉ sự bùng nổ những tiến bộ khoa học trong thực tiễn nông nghiệp. Thực chất của cuộc “cách mạng xanh” là bằng các biện pháp khoa học - kỹ thuật, tạo ra các giống cây trồng, vật

nuôi mới năng suất cao, và sử dụng tổng hợp các biện pháp canh tác, nhằm phát huy đặc tính năng suất cao của giống mới đã làm tăng năng suất, sản lượng đáng kể cho các loại cây trồng, vật nuôi đặc biệt là lúa mì và lúa gạo. Nhờ việc tăng năng suất và sản lượng lương thực, thực phẩm, nhiều nước nghèo, nước

đang phát triển trên thế giới thoát khỏi nạn đói triền miên, đảm bảo an ninh lương thực, góp phần thúc đẩy công nghiệp hóa ở nhiều quốc gia.

Tại Việt Nam, vào thập niên 60 - 80, cũng từng bước thực hiện cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp. Bằng việc đưa các giống cây lương thực, ngắn ngày, năng suất cao, áp dụng các biện pháp thâm canh, luân canh khoa học, đồng thời, thực hiện chính sách khoán hộ theo tinh thần Nghị quyết 10-NQ/TW về “Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp” của Bộ Chính trị, đã tạo nên sức bật cho phát triển nông nghiệp. Lần đầu tiên trong lịch sử, năm 1989, Việt Nam không chỉ đảm bảo được an ninh lương thực quốc gia, mà còn xuất khẩu 1,4 triệu tấn gạo và đến năm 2023, sản lượng xuất khẩu đạt trên 8,1 triệu tấn, trị giá 4,6 tỷ USD, đứng thứ 3 thế giới, chiếm 12,7% thương mại gạo toàn cầu.

Mặc dầu cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp đã đạt được những thành tựu to lớn không thể phủ nhận, nhưng mặt khác, cũng đang để lại những hậu quả vô cùng hệ trọng.

Tác hại dễ thấy nhất của “cách mạng xanh” là làm môi trường tự nhiên bị suy kiệt, hủy hoại. Ở mức độ toàn cầu, nông nghiệp hiện nay đã tạo ra những điều bất lợi như: thải ra gần 58% khí ôxít nitrit, gần 47% khí thải metan; lượng khí thải metan do chăn nuôi trên toàn cầu thải ra dự báo tới 60% vào năm 2030 so với hiện nay [1]. Báo cáo đặc biệt của Tổ chức Liên Chính phủ về Biến đổi khí hậu (IPCC), ngành nông nghiệp đang thải ra 5,79 tỷ tấn phát thải khí nhà kính mỗi năm chiếm tới 8,5% tổng lượng phát thải khí nhà kính; 14,5% nữa là

do thay đổi sử dụng đất chủ yếu do phá rừng để lấy đất sản xuất lương thực [2].

Vài thập niên gần đây, tăng trưởng xanh đang trở thành một xu thế tất yếu của sản xuất và tiêu dùng trên thế giới. Nhiều quốc gia đã xây dựng chiến lược tăng trưởng kinh tế xanh, đã tái cấu trúc nền kinh tế và có những giải pháp quyết liệt đảm bảo cho nền kinh tế xanh phát triển bền vững, trong đó có nông nghiệp xanh (green agriculture). Nông nghiệp xanh sẽ làm thay đổi diện mạo của nông nghiệp hiện tại và có thể khắc phục được những vấn đề hạn chế của “cách mạng xanh” trước đây trở thành một xu thế tất yếu không thể đảo ngược.

1. Khái quát về tăng trưởng xanh và nông nghiệp xanh

1.1. Tăng trưởng xanh

Tăng trưởng xanh là hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên sạch nhằm giảm thiểu ô nhiễm và các tác động môi trường, linh hoạt trong khả năng thích ứng với các hiểm họa thiên nhiên, quản lý môi trường và vốn tự nhiên trong phòng chống thiên tai [3].

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), tăng trưởng xanh bao gồm thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, đồng thời, đảm bảo rằng các nguồn tài sản tự nhiên sẽ cung cấp tài nguyên và dịch vụ môi trường cho sự thịnh vượng chung của chúng ta [3].

Bản chất của tăng trưởng xanh chính là mối quan hệ hai chiều giữa tăng trưởng kinh tế và môi trường, cụ thể: tăng trưởng kinh tế không gây suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu bằng việc sử dụng tối đa hóa hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, mà đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường qua việc sử dụng

phương pháp sản xuất sạch hơn, tái chế, tái sử dụng có hiệu quả; tăng trưởng về môi trường tạo động cơ và nền tảng để tăng trưởng kinh tế, không chỉ quan tâm đến bảo vệ môi trường, mà còn cần tạo điều kiện để phát triển.

1.2. Nông nghiệp xanh

Hiện nay, có nhiều quan niệm khác nhau về nông nghiệp xanh. Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), nông nghiệp xanh là cách thức phát triển ngành nông nghiệp, trong đó, tối đa hóa cơ hội khai thác các nguồn tài nguyên sạch, dẫn đến một mô hình nông nghiệp tăng trưởng bền vững gắn kết hơn với bảo vệ môi trường. Nông nghiệp xanh cơ bản đảm bảo 4 nguyên tắc: sức khỏe; sinh thái; công bằng; cân trọng, dần trở thành hướng đi mới nhằm xây dựng một nền nông nghiệp văn minh thích ứng với biến đổi khí hậu [4].

Nông nghiệp xanh là một hướng tiếp cận và phương pháp trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và tăng cường sức khỏe con người. Điều quan trọng trong nông nghiệp xanh là sự cân nhắc giữa sự phát triển sản xuất nông nghiệp và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Nông nghiệp xanh tập trung vào sử dụng các phương pháp canh tác thông minh, sử dụng phân bón hữu cơ, giảm sử dụng hóa chất và thuốc trừ sâu, áp dụng hệ thống tưới tiết kiệm nước, đặc biệt là sử dụng công nghệ số để quản lý hiệu quả hơn. Mục tiêu của nông nghiệp xanh là tạo ra năng suất cao và bền vững, đồng thời, cũng giảm tác động tiêu cực đến môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học và cải thiện chất lượng đời sống của người nông dân [5].

2. Chủ trương và thực trạng phát triển nông nghiệp xanh ở Việt Nam

2.1. Chủ trương tăng trưởng nông nghiệp xanh ở Việt Nam

Sớm nhận thức xu hướng tăng trưởng xanh, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách tạo điều kiện tăng trưởng nông nghiệp xanh. Hiện nay, cả nước đang triển khai và cụ thể hóa tăng trưởng xanh các ngành kinh tế thông qua “Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” [6]. Ngày 12/9/2022, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã ban hành Kế hoạch hành động của Bộ thực hiện Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 (Quyết định 3444/QĐ-BNN-KH). Theo đó, mục tiêu cụ thể đến năm 2030 của ngành là: tốc độ tăng trưởng GDP ngành nông nghiệp 2,5 - 3%/năm; nâng cao hiệu quả sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất, nước, thủy sản, rừng, bảo tồn đa dạng sinh học. Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ở mức 42%, diện tích có chứng chỉ quản lý rừng bền vững trên 1 triệu ha; giảm thâm dụng đầu vào hóa chất nông nghiệp, tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực tự nhiên trong quá trình sản xuất nông nghiệp. Tỷ lệ sản phẩm phân bón hữu cơ trong tổng sản phẩm phân bón được sản xuất và tiêu thụ đạt trên 30%; tăng số lượng thuốc bảo vệ thực vật sinh học trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng lên trên 30%; có ít nhất 30% tổng diện tích cây trồng cạn có tưới được áp dụng phương pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; chuyển đổi 300.000 ha đất lúa sang trồng các loại cây trồng khác có hiệu quả cao hơn cả về kinh tế

và môi trường; diện tích đất trồng trọt hữu cơ đạt khoảng trên 2% tổng diện tích đất trồng trọt. Tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ đạt khoảng 2 - 3% tính trên tổng sản phẩm chăn nuôi sản xuất trong nước; mở rộng quy mô áp dụng các thực hành sản xuất nông nghiệp tốt nhằm nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh và giảm phát thải khí nhà kính lĩnh vực nông nghiệp theo kế hoạch của quốc gia; xây dựng nông thôn mới đảm bảo đáp ứng các mục tiêu tăng trưởng xanh và bền vững; hình thành lối sống hòa hợp với môi trường và thiên nhiên, bảo vệ và phát triển cảnh quan, môi trường xanh, sạch, đẹp, văn minh [7].

2.2. Thực trạng phát triển nông nghiệp xanh ở Việt Nam

Các chủ trương, định hướng chiến lược tăng trưởng nông nghiệp xanh đang ngày càng được người nông dân, doanh nghiệp, các tổ chức và các nhà khoa học quan tâm. Nhiều địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã đã và đang triển khai mô hình chuyển đổi phát triển nông nghiệp xanh theo xu hướng sản xuất và tiêu dùng xanh. Có thể kể đến:

Một là, phát triển nông nghiệp hữu cơ.

Một trong những cách thức canh tác của nông nghiệp xanh chính là sản xuất nông nghiệp hữu cơ đã và đang được phát triển mạnh mẽ trong nhiều năm nay. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nếu như năm 2016, diện tích canh tác hữu cơ đạt khoảng 77.000 hecta, thì đến năm 2022, cả nước có khoảng 240.000 hecta. Đặc biệt, có đến 59/63 tỉnh, thành phố trên cả nước triển khai nông nghiệp hữu cơ và xu hướng này ngày càng lan tỏa mạnh mẽ. Điều tra công bố năm 2020 của Tổ chức Nông

ng nghiệp Quốc tế cho biết, sản phẩm nông nghiệp hữu cơ Việt Nam được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới, điển hình như: Mỹ, Liên minh châu Âu (EU), Trung Quốc, Nhật, Đức, Anh, Hàn Quốc, Nga, Singapore, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Italy... đạt kim ngạch chừng 335 triệu USD/năm [8].

Hai là, phát triển nông nghiệp sinh thái.

Một số hệ thống nông nghiệp theo hướng sinh thái đã được triển khai, mang lại hiệu quả và tạo tiền đề cho phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp xanh. Các mô hình điển hình đã được triển khai trong những năm qua như: Mô hình vườn - ao - chuồng (VAC); Mô hình lúa - tôm, lúa - cá; Mô hình nông - lâm kết hợp; Mô hình nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái; Mô hình chăn nuôi an toàn sinh học 4F (Farm - Food - Feed - Fertilizer: Trang trại - Thành phẩm - Thức ăn chăn nuôi - Phân bón hữu cơ). Các mô hình trên có đặc điểm chung là tận dụng tài nguyên tại chỗ, khép kín quá trình sản xuất, tận dụng phế phụ phẩm, tái chế tạo ra giá trị tiết kiệm chi phí, tăng việc làm, tăng thu nhập cho nông dân và không làm ảnh hưởng đến môi trường.

Ba là, xây dựng “Cánh đồng lớn” ứng dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật trong canh tác, giúp giảm thiểu tác động môi trường và tiết kiệm tài nguyên.

“Cánh đồng mẫu lớn” hay “Cánh đồng lớn” là cánh đồng lúa được nông dân trồng một loại giống lúa được doanh nghiệp cung cấp, hướng dẫn kỹ thuật canh tác theo một quy trình chặt chẽ, đồng thời, doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm. Mô hình này chính là sự liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân. Thực

hiện liên kết, nông dân được hướng dẫn thực hiện các kỹ thuật canh tác giảm lượng giống gieo sạ, quản lý dịch hại tổng hợp IPM, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo “4 đúng”, giảm lượng phân bón vô cơ, đi đôi với nhiều tiến bộ kỹ thuật như: “3 giảm 3 tăng”, “1 phải 5 giảm”, kỹ thuật tưới nông - lộ - phơi... [9]. Những giải pháp, quy trình kỹ thuật đồng bộ này giúp tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất và giảm ô nhiễm môi trường.

Bốn là, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh.

- *Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao*: công nghệ cao được tích hợp ứng dụng trong nông nghiệp, bao gồm: công nghiệp hóa nông nghiệp (cơ giới hóa các khâu của quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến...), tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học; các giống cây trồng, vật nuôi năng suất, chất lượng cao...; các quy trình canh tác tiên tiến, canh tác hữu cơ... cho hiệu quả kinh tế cao trên một đơn vị sản xuất.

Ở Việt Nam, đã xuất hiện nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh ứng dụng công nghệ cao, hình thành những khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đến năm 2022, cả nước có 34 khu nông nghiệp công nghệ cao được quy hoạch tại 19 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Năm 2019, cả nước có 7.471 doanh nghiệp nông, lâm nghiệp và thủy sản ứng dụng công nghệ cao. Số hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao là 1.700 chiếm 10% số hợp tác xã nông nghiệp. Ngoài ra, hiện nay, cả nước có 63 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao [10].

- *Nông nghiệp thông minh, hay nông nghiệp 4.0* được hiểu là các hoạt động nuôi, trồng, thu hoạch, vận chuyển, chế biến,... được kết nối mạng bên trong và bên ngoài đơn vị sản xuất kinh doanh. Khác với nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp 4.0 làm thay đổi phương thức quản lý nông nghiệp, tập trung chuyển dịch từ phương thức truyền thống sang hiện đại; mở đường cho những hoạt động sản xuất chính xác, chặt chẽ mà con người không cần có mặt trực tiếp. Nông nghiệp 4.0 đúng nghĩa, đích thực phải là kết nối internet suốt chuỗi giá trị.

Tuy nhiên, hiện thời, Việt Nam còn chưa thực hiện được hệ thống nông nghiệp 4.0 đầy đủ như các nước phát triển. Chúng ta có một số mô hình đang ứng dụng giải pháp thông minh, một số mô hình áp dụng cả giải pháp và thiết bị thông minh [11].

Năm là, triển khai đề án phát triển bền vững 1 triệu ha lúa chuyên canh chất lượng cao phát thải thấp tại đồng bằng sông Cửu Long.

Ngày 27/11/2023, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững 1 triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”. Mục tiêu của Đề án là hình thành 1 triệu ha vùng chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tổ chức lại hệ thống sản xuất theo chuỗi giá trị, áp dụng các quy trình canh tác bền vững nhằm gia tăng giá trị, phát triển bền vững ngành lúa gạo, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thu nhập và đời sống của người trồng lúa, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến

đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính, góp phần thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam [12].

3. Những khó khăn đang đặt ra cho phát triển nông nghiệp xanh của Việt Nam

Mặc dù sớm có những chủ trương, chính sách và kế hoạch hành động nhằm tăng trưởng nông nghiệp xanh, nhưng để nông nghiệp Việt Nam có thể tiệm cận với nông nghiệp xanh đúng nghĩa, vẫn còn nhiều khó khăn cần phải vượt qua. Cụ thể:

Một là, nhận thức và thói quen trong sản xuất, tiêu dùng của đại bộ phận dân cư theo lối cũ đang là rào cản lớn cho phát triển nông nghiệp xanh.

Có thể nói, nền nông nghiệp xanh đòi hỏi một sự thay đổi mang tính cách mạng trong nhận thức, trong sản xuất, tiêu dùng và tất cả đều phải hướng tới những giá trị của nền nông nghiệp xanh. Tuy nhiên, có một nghịch lý là nhiều người sản xuất và người tiêu dùng hiện nay đều chưa thực sự mặn mà với nông nghiệp xanh và tiêu dùng xanh. Nhiều người sản xuất vẫn muốn canh tác, nuôi trồng theo phương pháp truyền thống vì không bị gò bó bởi các tiêu chuẩn khắt khe, sản phẩm cũng vẫn dễ tiêu thụ. Người tiêu dùng còn tư tưởng hoài nghi vào sản phẩm nông nghiệp xanh, và còn lý do khác nữa khiến họ chưa mặn mà, đó là giá sản phẩm nông nghiệp xanh thường cao hơn hàng hóa sản xuất bằng phương pháp truyền thống.

Để nông nghiệp xanh tồn tại thì phải đảm bảo được sự kết nối giữa sản xuất xanh và tiêu dùng xanh, nếu không vượt qua được khó khăn này thì nông nghiệp xanh không thể phát triển.

Hai là, nông nghiệp Việt Nam vẫn

dựa vào kinh tế nông hộ quy mô nhỏ lẻ là chủ yếu, nên không thể áp dụng các hình thức sản xuất khép kín, tập trung quy mô lớn của nông nghiệp xanh.

Tổng hợp các báo cáo tại Diễn đàn Nông dân Việt Nam cho thấy: Hiện nay, cả nước đang có 13,8 triệu hộ nông dân với 78 triệu mảnh ruộng nhỏ. Bình quân 2,2 lao động và 0,4 - 1,2 ha một hộ, thiếu vốn, kiến thức, sản xuất thủ công và manh mún, 69% số hộ có quy mô dưới 0,5 ha đất nông nghiệp. Tài nguyên đất hạn chế, bình quân diện tích đất nông nghiệp trên đầu người chỉ bằng 8,7% so trung bình của thế giới. Thực trạng manh mún đất đai, sản xuất nhỏ lẻ, phân tán là cản trở đáng kể đối với quá trình tiến tới nông nghiệp xanh trong tương lai ở nước ta [13].

Ba là, biến đổi khí hậu là rào cản lớn trong phát triển nông nghiệp xanh.

Việt Nam là một trong 5 quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu do có bờ biển dài và nhiều lưu vực sông lớn, trong đó, hai vùng đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long chịu ảnh hưởng nặng nhất. Biến đổi khí hậu không chỉ ảnh hưởng đến diện tích sản xuất nông nghiệp, mà còn liên quan tới cả năng suất nông nghiệp và thay đổi sinh kế của nông dân vùng ảnh hưởng. Do vậy, trong vùng ảnh hưởng vừa phải chuyển đổi nền nông nghiệp hiện tại sang sản xuất nông nghiệp xanh, lại vừa phải thích ứng với biến đổi khí hậu, có thể xem là khó khăn kép, là một thách thức lớn đối với sản xuất nông nghiệp xanh.

Bốn là, cơ chế, chính sách thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng nông nghiệp xanh cần tiếp tục hoàn thiện.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 899/2013/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Chính phủ đã đề ra ba nhóm chính sách: *Nhóm thứ nhất* bao gồm: quy hoạch, đánh giá môi trường, giám sát và kiểm soát việc sử dụng phân bón thuốc trừ sâu, giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm, các chế tài xử phạt vi phạm môi trường. *Nhóm chính sách thứ hai* gồm các công cụ: Giấy phép khí thải các-bon; trợ cấp hỗ trợ công nghệ xanh; chi trả dịch vụ môi trường; hình thành các Quỹ bảo vệ môi trường... *Nhóm chính sách thứ ba* bao gồm: việc xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu về nông nghiệp xanh, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ xanh... giáo dục và nâng cao nhận thức, hình thành các nhãn hiệu sinh thái dựa trên các quy trình thân thiện môi trường [14].

Nhìn chung, hệ thống chính sách, thể chế liên quan đến nông nghiệp xanh của Việt Nam khá đầy đủ. Tuy nhiên, khung chính sách này vẫn còn nhiều điểm bất cập cần tháo gỡ, đặc biệt việc thực thi các chính sách còn nhiều hạn chế.

Năm là, cơ sở hạ tầng, công nghệ, nguồn nhân lực, nguồn lực tài chính chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nông nghiệp xanh.

Giao thông tại một số vùng sản xuất tập trung còn kém (đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên); hệ thống thủy lợi thiết kế chủ yếu cho tưới lúa mà chưa thể hỗ trợ cho sản xuất các ngành hàng khác. Thương mại điện tử rất kém phát triển. Khu vực nông thôn là nơi cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin kém phát triển nhất, cần được tăng cường và sử

dụng cho sản xuất hơn là cho giải trí như hiện nay.

Trình độ khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam vẫn còn khá thô sơ, chi phí để mua công nghệ mới quá lớn. Doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp chủ yếu là nhỏ và siêu nhỏ, khả năng hiện đại hóa các thiết bị phục vụ nông nghiệp xanh là vô cùng khó khăn.

Chất lượng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn còn nhiều bất cập so với yêu cầu. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2020, lao động nông nghiệp trong độ tuổi lao động chưa qua đào tạo là 12,57 triệu người, chiếm 89,97% tổng số lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản trong độ tuổi lao động.

Vốn đầu tư phát triển nông nghiệp xanh còn hạn chế. Hiện nay, nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp mới chỉ đáp ứng được 55% - 60% yêu cầu, hiệu quả đầu tư thấp. Hiện, cả nước chỉ có khoảng 3.500 doanh nghiệp trong nông nghiệp, chiếm 1,01% tổng số doanh nghiệp cả nước. Số doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa, với số vốn dưới 5 tỷ đồng, chiếm dưới 65%. Tỷ trọng vốn FDI vào lĩnh vực nông, lâm, thủy sản ở Việt Nam luôn thấp, chỉ chiếm 5,7% trong tổng số dự án đầu tư nước ngoài trong cả nước [10].

4. Một số khuyến nghị phát triển nông nghiệp xanh ở Việt Nam

Để phát triển nông nghiệp xanh ở Việt Nam, trước mắt, cần quan tâm đến một số vấn đề sau:

Một là, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh trong nông nghiệp, thúc đẩy lối sống tiêu dùng xanh gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp xanh.

Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức về mục đích, ý nghĩa, nội dung, giải pháp thực hiện tăng trưởng xanh trong nông nghiệp; nâng cao ý thức trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, thay đổi hành vi sử dụng tài nguyên theo lối sống xanh, bền vững.

Thúc đẩy tiêu dùng xanh, thay đổi thói quen tiêu dùng bằng cách: phát triển thị trường cho các sản phẩm nông nghiệp sản xuất theo hướng xanh dưới các hình thức hỗ trợ trực tiếp cho đầu tư và sản xuất, hỗ trợ về cơ sở hạ tầng, xúc tiến thương mại, hỗ trợ chi phí và thủ tục bảo hộ sở hữu trí tuệ, chi phí và thủ tục cấp chứng nhận, trợ giá sản phẩm. Thực hiện nghiêm truy xuất nguồn gốc nông sản gắn với chỉ dẫn địa lý cho cả thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu tạo niềm tin cho người tiêu dùng.

Hai là, quy hoạch, tổ chức sản xuất phát triển các vùng nông nghiệp xanh tập trung với quy mô đủ lớn nhằm đáp ứng nhu cầu sản phẩm nông nghiệp xanh của thị trường trong nước và xuất khẩu.

Quy hoạch trên cơ sở nhu cầu của thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp xanh về chất lượng, số lượng, mẫu mã, kiểu dáng, giá cả..., từ đó, xây dựng hệ thống tổ chức từ sản xuất - chế biến - lưu thông - phân phối theo chuỗi giá trị, đảm bảo minh bạch, công bằng, bền vững; tổ chức xây dựng thương hiệu, xuất xứ hàng hoá, cấp giấy chứng nhận sản phẩm nông nghiệp xanh của vùng, tạo niềm tin cho thị trường trước mắt và lâu dài.

Ba là, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy tăng trưởng xanh trong nông nghiệp.

Rà soát đánh giá việc thực thi pháp luật hiện hành, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với

từng lĩnh vực chuyên ngành để phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp xanh; xây dựng, triển khai thực hiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, tiêu chí phân loại xanh trong nông nghiệp phù hợp hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, tiêu chí phân loại xanh quốc gia; xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ người sản xuất nông nghiệp chuyển sang áp dụng các mô hình kinh tế nông nghiệp xanh; hoàn thiện thể chế, chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến, thương mại nông nghiệp xanh.

Bốn là, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp xanh; chuyển đổi số và đổi mới công nghệ để sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường.

Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp xanh không chỉ bao gồm đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, mà điều quan trọng là đội ngũ lao động trực tiếp trong hệ sinh thái nông nghiệp xanh như các chủ trang trại, các nông dân trẻ có đủ kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm trong chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp xanh.

Thúc đẩy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, tiếp cận áp dụng công nghệ mới xanh, sạch, hiện đại trong tất cả các lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh, tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp nhằm sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Từng bước hoàn thiện hệ sinh thái nông nghiệp số trên nền tảng dữ liệu lớn và thông tin thống nhất, minh bạch, kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước ở trung ương và địa phương, đối tác quốc tế, các doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- [1] Steinfeld, H. et al., *Livestock's Long Shadow*, FAO, Rome, 2006.
- [2] Bảng xếp hạng 7 ngành công nghiệp gây ô nhiễm nhất trên thế giới. <https://loctinhdien.vn/bang-xep-hang-7-nganh-cong-nghiep-gay-o-nhiem-nhat-tren-te-gioi/>.
- [3] Nguyễn Đình Đáp, “Giải pháp thực hiện tăng trưởng xanh”, *Tạp chí Ngân hàng*, số 4, tháng 02/2022.
- [4] Võ Hữu Phước, Trương Thị Thu Hương, “Phát triển nông nghiệp xanh ở Việt Nam và những vấn đề đang đặt ra trong bối cảnh hiện nay”, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 2 tháng 9/2021.
- [5] “Nông nghiệp xanh: chìa khóa cho tương lai bền vững”. <https://globalcheck.com.vn/nong-nghiep-xanh>
- [6] Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050*, ngày 01/10/2021.
- [7] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, *Quyết định số 34444/QĐ-BNN-KH về việc phê duyệt kế hoạch hành động của Bộ NN&PTNT thực hiện Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030*, ngày 12/9/2022.
- [8] Nguyễn Nguyên Cự, “Một số giải pháp phát triển nông nghiệp hữu cơ ở Việt Nam”, *Tạp chí KH&CN Trường ĐHHB*, số 6/2023.
- [9] “3 giảm”: giảm lượng hạt giống; giảm lượng thuốc bảo vệ thực vật; giảm lượng phân bón. “3 tăng”: tăng năng suất, tăng chất lượng, tăng hiệu quả kinh tế. “1 phải”: phải sử dụng giống xác nhận; “5 giảm”: giảm lượng giống, giảm lượng thuốc bảo vệ thực vật, giảm lượng phân đạm, giảm nước tưới và giảm thất thoát sau thu hoạch; “4 đúng” khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật: đúng thuốc, đúng lúc, đúng liều lượng-nồng độ và đúng cách.
- [10] Phan Thị Huệ, “Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở Việt Nam: Khó khăn và triển vọng”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 26, tháng 9/2023.
- [11] Nguyễn Đình Tuấn, Nguyễn Tử Xiêm, “Nông nghiệp Việt Nam bước vào cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0”, *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, số 8/2018.
- [12] Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 1490/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững 01 triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”*, ngày 27/11/2023.
- [13] “Diễn đàn Nông dân Việt Nam lần thứ 2”. <http://baoquocte.vn/nong-dan-san-sang-voi-nong-nghiep-40-58819.html>.
- [14] Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 899/2013/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững*, ngày 10/6/2013.